

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CL  
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày: 04/03/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

**Hồ Thị C** (tên gọi khác: không), sinh năm 1990 tại tỉnh CM;

Nơi cư trú: ấp LQ, xã LT, huyện CL, tỉnh BT;

Nghề nghiệp: Thẩm mỹ;

Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ;

Tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Quốc S và bà Lê Thị M;

Bị cáo có chồng và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Lê Thanh N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp BA, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lê Đình H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp LQ, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

*Người làm chứng:*

- Nguyễn Hoàng Đ (tên gọi khác là Đ), sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp BA, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

- Trang Văn S, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp HT, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 13/10/2020, Hồ Thị C đến nhà của ông Trang Văn S tại ấp HT, xã HN, huyện CL để phụ đám giỗ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, C phát hiện điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, model IPHONE 8 PLUS, dung lượng 64GB, màu trắng của chị Lê Thanh N để trên bàn kim loại đặt ở lối đi thông từ cửa chính hành lang bên trái xuống nhà bếp, không người trông coi. Nghĩ đến việc N được gia đình bên chồng yêu thương mình thì không nên ghen tị và có ý định lén lút lấy điện thoại, sau đó cởi áo khoác đang mặc trên người quần điện thoại lại và để vào ngăn đựng đồ xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, biển số 71C4-351.26 của mình đem về tiệm thẩm mỹ ở ấp LQ, xã LT nơi C làm việc cất giấu. Sau khi phát hiện điện thoại bị mất, chị N trình báo đến Công an xã HN. Qua làm việc, Hồ Thị C đã khai nhận: sau khi lấy trộm điện thoại xong đem về tiệm thẩm mỹ cất giấu trong tủ quần áo, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C đem điện thoại ném xuống sông CG thuộc xã LT, huyện CL.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 79/BKL-HĐĐG ngày 06/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện CL kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, model IPHONE 8 PLUS, dung lượng 64GB, màu trắng có giá trị 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, model IPHONE 8 PLUS, dung lượng 64GB, màu trắng, không thu hồi được; Chuyển theo hồ sơ vụ án 01 (một) áo khoác tay dài, dạng áo len, màu vàng, có sọc ngang màu trắng, chiều dài 55cm, đã qua sử dụng.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và ông Lê Đình H là chồng của bị cáo có bồi thường cho bà Lê Thanh N số tiền 16.000.000 đồng và yêu cầu được nhận lại số tiền chênh lệch so với Kết luận định giá tài sản là 7.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSCL ngày 21/01/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT để xét xử bị cáo Hồ Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản Cáo trạng phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Hồ Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, n, s khoản 1, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Thị C từ 6 tháng đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 năm đến 1 năm 6 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội nghị xét xử xem xét buộc bị hại trả lại cho bà L số tiền 7.500.000đ. Ghi nhận việc bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H rút đơn yêu cầu.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không tranh luận gì thêm.

Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Chi nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết mình sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo nuôi hai con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CL, tỉnh BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều khoản áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thị C thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chỉ vì sự ghen tị, sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản và với mục đích nhằm thỏa mãn lòng đố kị nên vào khoảng 14 giờ ngày 13/10/2020, bị cáo C đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, model IPHONE 8 PLUS, dung lượng 64GB, màu trắng. Bị cáo C đã trên 18 tuổi, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 8.500.000đồng nên hành vi của bị cáo đã vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động với gia đình người thân khắc phục hậu quả cho bị hại nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hơn nữa bị cáo đang mang thai nên cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Xét về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Áp dụng hình phạt:

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo như phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi

cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 không cần cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo đang mang thai và có 02 con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo C cùng chồng là ông Lê Đình H có nhờ bà L đến thương lượng và bồi thường cho Lê Thanh N số tiền 16.000.000đồng để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, theo Kết luận định giá tài sản số 79/KL-HĐĐG ngày 06/11/2020 của Hội đồng định giá huyện CL thì một điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, model IPHONE 8 PLUS, dung lượng 64GB, màu trắng, được mua tháng 3/2020 có giá trị là 8.500.000đồng. Như vậy, số tiền bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường cho bị hại là vượt quá giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm của bị hại. Bị hại Lê Thanh N đồng ý với kết quả định giá, không yêu cầu định giá lại. Tại phiên tòa, bị cáo C và ông H đã rút lại yêu cầu về việc yêu cầu bị hại là bà N trả lại số tiền nêu trên. Bà L vẫn giữ yêu cầu là buộc bà N phải trả lại cho bà số tiền chênh lệch là 7.500.000đ (do bà L là người trực tiếp đưa tiền khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại đã ký nhận, đồng thời tại cơ quan cảnh sát điều tra bị hại cũng đồng ý trả lại số tiền chênh lệch cho bà L nếu Tòa xử buộc). Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác tay dài, dạng áo len, màu vàng, sọc ngang màu trắng, dài 55cm, đã qua sử dụng (do không còn giá trị sử dụng).

[7] Từ các căn cứ trên, xét thấy lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị hại phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không phù hợp với qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm h, i, n, s khoản 1 Điều 51, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

1. Tuyên bố: bị cáo Hồ Thị C phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo Hồ Thị C 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hồ Thị C cho UBND xã LT, huyện CL, tỉnh BT giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác tay dài, dạng áo len, màu vàng, sọc ngang màu trắng, dài 55cm, đã qua sử dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc ông Lê Đình H và bị cáo Hồ Thị C rút toàn bộ yêu cầu buộc bị hại bà N trả lại số tiền chênh lệch là 7.500.000đ.

Buộc bị hại Lê Thanh N phải trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền 7.500.000đồng.

4. Về án phí: áp dụng vào các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Hồ Thị C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị hại Lê Thanh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch 5% của số tiền 7.500.000đ x 5% = 375.000đ.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng vào các điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT được quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện CL, tỉnh BT;
- VKSND tỉnh BT;
- Công an huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã LT;
- Phòng KTNV-THA- TAND tỉnh BT;
- Sở Tư pháp tỉnh BT;
- Lưu: Hồ sơ; THAHS, VP, BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**